

Số: 45/2016/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Đề án đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Phù Mỹ,
huyện Phù Mỹ năm 2016**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính
phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn
hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số
điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm
theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;*

Sau khi xem xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin thông qua Đề án đặt tên đường tại thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-VHXH ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Đề án đặt tên 31 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ năm 2016 (Có Đề án đặt tên đường kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Thanh Tùng

DANH SÁCH

Tên đường trên địa bàn thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 45/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016
của HĐND tỉnh Bình Định, khóa XII)

| S T T | Tuyến đường, ký hiệu loại đường | Lý trình | Chiều dài (m) | Quy hoạch | | | Tên đường |
|-------------|--|---|------------------------|-------------------|---------------|--------------------------|--|
| | | | | Lộ giới (m) | Mặt đường | Vĩa hè hai bên (m) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 01 | Quốc lộ 1A | Từ Km 1171 + 700 đến Km 1178 + 450 | 6750 | 30 | 15 | 7,5x2 | Quang Trung (1753 - 1792) |
| 02 | Đường nội thị | Đập cầu sắt - đường Bùi Thị Xuân | 257 307 661 | 16 18 22 | 8 8 12 | 4x2 5x2 5x2 | Võ Thị Sáu (1933 - 1952) |
| 03 | Đường nội thị | Từ suối Bình Trị - UBND huyện | 697 | 22 | 12 | 5x2 | Thanh Niên |
| 04 | Đường nội thị | Từ Cầu Ngũ- đường Trần Quang Diệu | 3000 | 18 | 10 | 4x2 | Lê Lợi (1385 - 1433) |
| 05 | Đường nội thị | Đường Nguyễn Trung Trực - đường sắt | 2007,7 | 18 | 10 | 4x2 | Chu Văn An (1292 - 1370) |
| 06 | Đường nội thị | Đường Nguyễn Trung Trực - đường Lê Lợi | 91,5 258,3 521,4 | 22 12 18 | 12 8 10 | 5x2 2x2 4x2 | Nguyễn Thị Minh Khai (1910 - 1941) |
| 07 | Đường nội thị | Từ Cầu Bình Trị - đường Lê Lợi | 518 384 | 18 16 | 10 8 | 4x2 4x2 | Hai Bà Trưng (? - 43) |
| 08 | Đường nội thị | Đường Quang Trung (Km 1176 + 950) - đường sắt | 997 | 16 | 10 | 3x2 | Trần Quang Diệu (? - 1802) |
| 09 | Đường nội thị | Nhà ông Kiều Tấn Phong - Quang Trung (Km 1176 + 580) | 262 272 | 16 10 | 10 6 | 3x2 2x2 | Bùi Thị Xuân (? - 1802) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 10 | Đường nội thị | Đường Quang Trung (Km 1176 + 380) - Trường THPT Nguyễn Trung Trực | 185 | 12 | 6 | 3x2 | Nguyễn Văn Trỗi (1940 - 1964) |

| | | | | | | | |
|----------|---------------|--|----------|----------|----------|----------|---|
| 11 | Đường nội thị | Nhà bà Trâm -đường Quang Trung (Km 1172 + 512) | 780 | 6 | 4 | 1x2 | Nguyễn Thanh Trà (1952 - 1975) |
| 12 | Đường nội thị | Trụ sở thôn Diêm Tiêu - đường Quang Trung (Km 1172 + 650) | 145 | 12 | 8 | 2x2 | Trần Thị Lý (1933 - 1992) |
| 13 | Đường nội thị | Cổng Ngõ Huệ -đường Quang Trung (Km 1173 + 950) | 1115 | 12 | 6 | 3x2 | Phan Đình Giót (1922 - 1954) |
| 14 | Đường nội thị | Đường Quang Trung (Km 1174 + 50) - Cầu Ván 1 | 550 | 6 | 4 | 1x2 | Nguyễn Thị Hân (1949 - 1972) |
| 15 | Đường nội thị | Đường Đào Doãn Địch - đường Quang Trung (Km 1175 + 450) | 329 | 8 | 4 | 2x2 | Lê Đình Lý (? - 1858) |
| 16 | Đường nội thị | Đường Nguyễn Trung Trục - đường Quang Trung (Km 1175 + 500) | 265 | 10 | 5 | 2,5x2 | Hồ Công Thuyên (Thế kỷ XVIII) |
| 17 | Đường nội thị | Đường Quang Trung (Km 1175 + 450) - đường Đào Nhông - Dương Liễu | 1766 | 22 | 12 | 5x2 | Tây Sơn |
| 18 | Đường nội thị | Đường Quang Trung (Km 1177 + 212) - đường Trần Quang Diệu | 757 | 12 | 7 | 2,5x2 | Đào Duy Từ (1572 - 1634) |
| 19 | Đường nội thị | Đường Hồ Công Thuyên - đường Hai Bà Trưng | 485 | 22 | 12 | 5x2 | Nguyễn Trung Trục (1838 - 1868) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 20 | Đường nội thị | Tuyến T1 (Suối Cầu Sắt - đường Nguyễn Trung Trục | 520 | 22 | 12 | 5x2 | Lê Hồng Phong (1902 - 1942) |
| 21 | Đường nội thị | Đường Nguyễn Trung Trục - đường Nguyễn Thị Minh Khai | 350 | 8 | 4 | 2x2 | Đào Doãn Địch (1833 - 1885) |
| 22 | Đường nội thị | Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Sân vận động) - đường Nguyễn Thị | 650 | 6 | 4 | 1x2 | Vũ Đình Huân (Thế kỷ XVIII) |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|--|------|----|----|-------|--|
| | | Minh Khai (nhà ông Nam) | | | | | |
| 23 | Đường nội thị | Đường Vũ Đình Huân (nhà ông Hậu) - đường Lê Lợi | 271 | 7 | 4 | 1,5x2 | Nguyễn Trọng Trì (1854 - 1922) |
| 24 | Đường nội thị | Đường Hai Bà Trưng - đường Nguyễn Chánh | 150 | 12 | 6 | 3x2 | Yết Kiêu (Thế kỷ XIII) |
| 25 | Đường nội thị | Đường Võ Thị Sáu - đường Thanh Niên | 303 | 12 | 8 | 2x2 | Nguyễn Chánh (1917 - 2001) |
| 26 | Đường nội thị | Đường Biên Cương - đường Quang Trung (Km 1176 + 500) | 594 | 12 | 6 | 3x2 | 2 tháng 9 |
| 27 | Đường nội thị | Đường 2/9 (Ngõ Sơn) - Ngõ Minh | 350 | 12 | 6 | 3x2 | Biên Cương (1929 - 1968) |
| 28 | Đường nội thị | Đường 2 tháng 9 - đường Lê Lợi | 250 | 8 | 5 | 1,5x2 | Lê Thị Khuông (1943 - 1969) |
| 29 | Đường nội thị | Đường Bùi Thị Xuân - đường Quang Trung (Km 1178 + 250) | 1655 | 22 | 12 | 5x2 | Trần Phú (1904 - 1931) |
| 30 | Đường nội thị | Đường Trần Phú - đường Trần Quang Diệu | 1600 | 12 | 6 | 3x2 | 3 tháng 2 |
| 31 | Đường tránh QL 1A | từ Km 3 + 589 đến Km7 + 491 | 3902 | 38 | 26 | 6x2 | Đèo Nhông - Dương Liễu |

Tổng cộng: 31 tuyến đường.